

Số: /SKHCN-QLKH

Quảng Trị, ngày tháng 7 năm 2023

## **BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch hành động số 1870/KH-UBND  
ngày 28/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị**

### **1. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

**1.1. Đánh giá về mức độ phù hợp của lộ trình triển khai Kế hoạch đã ban hành so với tình hình thực tế về diễn biến, tác động của biến đổi khí hậu cũng như các chủ trương, chính sách, định hướng của Ngành KH&CN:**

Kế hoạch số 1870/KH-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về Hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được ban hành và triển khai thực hiện gần ba năm qua. Trên cơ sở nội dung chương trình hoạt động của Kế hoạch, Sở KH&CN đã tích cực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao thuộc ngành và đạt được một số kết quả như sau:

Trong thời gian từ 2020-2023 việc triển khai nghiên cứu các đề tài/dự án KH&CN các cấp trên địa bàn tỉnh với chủ trương chung của tỉnh là: KH&CN phải tập trung hướng về cơ sở, lấy người dân và doanh nghiệp làm đối tượng phục vụ, đưa khoa học và công nghệ đến với người dân và doanh nghiệp ứng dụng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Bởi vậy, đã cơ cấu lại các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ gắn với việc phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh, nhằm nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của các sản phẩm sát với yêu cầu phát triển sản xuất của các doanh nghiệp và nền kinh tế; Ưu tiên những nhiệm vụ liên quan nghiên cứu ứng dụng trong sản xuất và đời sống, có tính ứng dụng rộng rãi, sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao; các nghiên cứu liên quan chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu và chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững. Trong đó, tập trung cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ trong ngành nông nghiệp như: khảo nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi mới ứng phó với biến đổi khí hậu; mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; quy trình canh tác tự nhiên, quy trình sản xuất theo hướng hữu cơ, nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường tạo ra sản phẩm sạch; ứng dụng công nghệ mới chế biến sâu các nông lâm sản, cây dược liệu phục vụ phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, tiềm năng có triển vọng, nhằm nâng cao giá trị và tính cạnh tranh của các sản phẩm đó theo yêu cầu phát triển sản xuất của các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐND về chính sách hỗ trợ ứng dụng,

nhân rộng các kết quả nghiên cứu KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2026. Nhờ vậy, đã có nhiều đề tài/dự án với các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng nhân rộng vào thực tiễn sản xuất và đời sống, hỗ trợ tích cực cho doanh nghiệp và người dân trong sản xuất - kinh doanh- dịch vụ, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa được thương mại trên thị trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương một cách bền vững.

## **1.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH được giao cho ngành KH&CN:**

### ***1.2.1. Nhiệm vụ: Thúc đẩy sự chuyển đổi công nghệ đèn cao áp Metal-highlight sang sử dụng đèn LED(COB) trên các tàu đánh bắt xa bờ tại các huyện ven biển tỉnh Quảng Trị***

Đối với nhiệm vụ này trên cơ sở Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 09/03/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị V/v phê duyệt “Dự án tiết kiệm năng lượng và nâng cao hiệu quả công việc với trang thiết bị đèn LED đặc biệt công nghệ mới(COB) cho tàu đánh bắt xa bờ tỉnh Quảng Trị” do Tổ chức Phát triển Công nghệ công nghiệp và năng lượng mới Nhật Bản (NEDO) tài trợ, với tổng kinh phí của dự án 3.406.596 USD( tương đương 76.989.075.000 VN đồng). Trong đó, ngân sách tỉnh hỗ trợ 1.340.000đồng. Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp và triển khai thực hiện hoàn thành các nội dung của dự án: Theo đó, thời gian lắp đặt thiết bị kết thúc vào tháng 6/2018; thời gian giám sát, kiểm tra đánh giá hiệu quả dự án từ tháng 6/2018 đến tháng 6/2025. Hiện nay, theo báo cáo giám sát đánh giá kết quả của Dự án này đã giúp các chủ tàu tiết kiệm được nguồn năng lượng và chi phí mua dầu Diesel cho các tàu đánh bắt xa bờ từ 20% đến 25%.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh covid 19 ở người bắt đầu từ cuối năm 2019 đến đầu năm 2022, nên Sở KH&CN không tham mưu kế hoạch chính sách hỗ trợ nhân rộng kết quả của dự án được. Bởi vậy, không có lắp đặt thêm thiết bị đèn LED cho các tàu cá khác, vì chi phí đầu tư ban đầu khá lớn nên các chủ tàu nếu không có chính sách của nhà nước hỗ trợ thì không thể tự đầu tư nhân rộng.

### ***1.2.2.Nhiệm vụ: Nghiên cứu tiềm năng và đề xuất giải pháp phát triển sản xuất các sản phẩm phân hủy sinh học từ các phế phụ phẩm nông nghiệp của tỉnh Quảng Trị.***

Thời gian vừa qua, ngành KH&CN đã tham mưu tỉnh phê duyệt và bố trí kinh phí SNKH để triển khai thực hiện đề tài/dự án nghiên cứu khoa học các cấp liên quan đến nội dung này như sau:

Đề tài: “Ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý phế thải trong sản xuất nông nghiệp làm phân bón hữu cơ tại tỉnh Quảng Trị”, với kinh phí SNKH là 243 triệu đồng;

Dự án: “Quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Gạo Diên Sanh” theo

hướng sản xuất hữu cơ”, với kinh phí SNKH là 210 triệu đồng;

Dự án: “Xây dựng quy trình sản xuất giống và mô hình trồng thử nghiệm cây trà gió và trà năm gân ở các xã vùng cát ven biển của huyện Triệu Phong” với kinh phí SNKH là 270 triệu đồng;

Đặc biệt, Sở KH&CN đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt **Đề án chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị: “Ứng dụng chế phẩm vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”**. Qua 2 năm triển khai thực hiện Đề án với kết quả cụ thể như sau:

### *1. Công tác tuyên truyền*

- Phối hợp với Báo Quảng Trị đăng tải các bài báo tuyên truyền về hiệu quả ứng dụng công nghệ sinh học (công nghệ VSV) vào trồng trọt; chăn nuôi; nuôi trồng thủy sản; Phối hợp với Đài Phát thanh Truyền hình Quảng Trị xây dựng các chuyên đề, phóng sự phổ biến chủ trương, biện pháp và hướng dẫn kỹ thuật trên các phương tiện thông tin đại chúng: (1) “Đẩy mạnh ứng dụng chế phẩm VSV trong sản xuất nông nghiệp”; (2) “Ứng dụng chế phẩm VSV trong sản xuất phân hữu cơ từ vỏ cà phê – hướng đi mới trong phát triển nông nghiệp bền vững”; (3) “Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở Quảng Trị” (4) “Chuyên gia công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ viên nén chuyên dùng cho cây lúa quy mô công nghiệp”.

- Đăng tải các thông tin về chính sách hỗ trợ của Đề án, công dụng, hiệu quả mang lại của các loại chế phẩm VSV trên Cổng Thông tin Điện tử Khoa học và Công nghệ Quảng Trị (Website: <http://www.dosquangtri.gov.vn>).

### *2. Công tác phổ biến, tập huấn kỹ thuật ứng dụng chế phẩm VSV vào sản xuất nông nghiệp*

Đã tổ chức 35 lớp tập huấn, chuyên giao tiên bộ kỹ thuật về ứng dụng các loại chế phẩm VSV vào đời sống, sản xuất cho người dân trên địa bàn tỉnh với 1.059 lượt người tham dự, cụ thể:

- Tập huấn và chuyên giao kỹ thuật Ứng dụng chế phẩm vi sinh Nitro-QTMIC và Perfect-QTMIC trong nuôi tôm thẻ chân trắng: 08 lớp x 1 ngày/lớp với 240 lượt người tham dự tại xã Trung Hải, Trung Giang - huyện Gio Linh; phường Đông Giang, phường Đông Lễ - TP Đông Hà; xã Triệu Phước - huyện Triệu Phong; xã Hải An - huyện Hải Lăng; Tập huấn và chuyên giao về kỹ thuật ứng dụng các loại chế phẩm VSV trong xử lý rác thải hữu cơ, rác thải sinh hoạt, bổ sung thức ăn chăn nuôi và phòng trừ bệnh hại trong sản xuất rau an toàn và trồng hoa thương phẩm (chế phẩm Compo-QTMIC, Tricho-Pseu, Bio-QTMIC; Pro-QTMIC): 24 lớp x 1 ngày/lớp với 725 lượt người tham dự tại phường Đông Thanh, phường Đông Giang, phường 2 - TP Đông Hà; xã Cam Thủy - huyện Cam Lộ; xã Hải Quế, xã

Hải Phú và thị trấn Diên Sanh - huyện Hải Lăng; xã Triệu Trạch - huyện Triệu Phong; xã Gio Quang, xã Phong Bình, xã Gio Hải - huyện Gio Linh; xã Vĩnh Hòa, xã Kim Thạch - huyện Vĩnh Linh; xã Tân Liên và Hướng Phùng – huyện Hướng Hóa.

- Phối hợp với Tỉnh Đoàn, huyện Đoàn Triệu Phong tổ chức 04 lớp tập huấn cho các đoàn viên thanh niên, các chủ mô hình thanh niên khởi nghiệp và có ý định khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản: 04 lớp x 1 lớp/ngày với hơn 120 lượt người tham dự.

### 3. Kết quả sản xuất và cung ứng chế phẩm VSV các loại

Thực hiện chính sách của Đề án, Sở KH&CN đã tổ chức sản xuất và cung ứng 36,057 tấn chế phẩm VSV các loại cho các tổ chức, cá nhân ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp (02 Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ; 01 Trung tâm Giống thủy sản; 04 Trang trại chăn nuôi gà, lợn và hơn 2.000 hộ dân).

- Hỗ trợ 17,729 tấn chế phẩm Compo-QTMIC và Tricho-Pseu ứng dụng trong xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón hữu cơ, phòng trừ bệnh hại cây trồng.

- Hỗ trợ 15,787 tấn chế phẩm Nitro-QTMIC và Perfect-QTMIC để ứng dụng trong xử lý đáy, môi trường nước ao nuôi tôm; bổ sung thức ăn trong nuôi tôm thẻ chân trắng và tôm sú thâm canh nhằm hỗ trợ tiêu hóa, tăng khả năng hấp thụ các chất dinh dưỡng, cải thiện đường ruột cho tôm nuôi.

- Hỗ trợ 3,541 tấn chế phẩm Pro-QTMIC và Bio-QTMIC để ứng dụng trong chăn nuôi gồm xử lý mùi hôi chuồng trại, làm đệm lót sinh học và bổ sung thức ăn chăn nuôi lợn nhằm cải thiện hệ tiêu hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn, góp phần hỗ trợ phát triển chăn nuôi lợn an toàn.

Tổng số kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ Đề án 324 trong 2 năm 2021-2022 là 4.225,324 triệu đồng.

### Tổng hợp số lượng chế phẩm VSV đã cung cấp

S T T	Chủng loại chế phẩm	Số lượng (tấn)						% thực hiện so KH
		Theo QĐ số 324/QĐ-UBND ngày 05/02/2021(KH)			Đã thực hiện			
		Năm 2021	Năm 2022	Tổng	Năm 2021	Năm 2022	Tổng	
1	Compo-QTMIC và Tricho-Pseu	8,0	8,0	16,0	9,729	8,0	17,729	110,8
2	Nitro-QTMIC	4,0	5,0	9,0	3,882	4,925	8,807	97,8
3	Perfect-QTMIC	4,0	5,0	9,0	3,67	2,31	5,98	66,0

4	Pro-QTMIC	1,0	1,0	2,0	1,0	0,585	1,585	79,3
5	Bio-QTMIC	1,0	1,0	2,0	0,956	1,0	1,956	97,8
<b>Tổng</b>		<b>18,0</b>	<b>20,0</b>	<b>38,0</b>	<b>19,236</b>	<b>16.82</b>	<b>36,057</b>	<b>96,2</b>

Nhờ chính sách hỗ trợ của Đề án mang lại, việc ứng dụng chế phẩm VSV trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản đã góp phần đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho người dân trên địa bàn tỉnh: như giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm; giảm thiểu các tác động ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và không gây ô nhiễm môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu... đây là cơ sở bước đầu để phát triển một nền sản xuất nông nghiệp sạch, bền vững.

**1.2.3. Nhiệm vụ: “Nghiên cứu lai tạo và khảo nghiệm giống cây trồng, vật nuôi thích hợp cho các vùng dễ bị tổn thương cao do biến đổi khí hậu và nước biển dâng ở tỉnh Quảng Trị”**

Từ năm 2020-2023, Sở KH&CN đã tham mưu tỉnh phê duyệt danh mục và bố trí kinh phí SNKH để triển khai thực hiện các đề tài/dự án nghiên cứu lai tạo và khảo nghiệm giống cây trồng, vật nuôi, biện pháp canh tác thích hợp cho các vùng dễ bị tổn thương cao do biến đổi khí hậu và nước biển dâng ở tỉnh Quảng Trị như sau:

Đề tài: “Khảo nghiệm một số giống dưa xiêm có triển vọng để đánh giá khả năng thích nghi và hiệu quả kinh tế, nhằm góp phần phục vụ công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại tỉnh Quảng Trị”, với kinh phí SNKH là 525,0 triệu đồng ;

Đề tài: “Nghiên cứu, khảo nghiệm một số giống thuốc lá vàng có triển vọng nhằm xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu hàng hóa tập trung trên đất cát pha nội đồng và đất cát pha ven biển tỉnh Quảng Trị ”, với kinh phí SNKH là 380 triệu đồng;

Đề tài: “Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình canh tác theo hướng hữu cơ và chế biến đậu đen xanh lòng, nhằm nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm hàng hóa tại tỉnh Quảng Trị”, với kinh phí SNKH là 514,133 triệu đồng

Đề tài: “Khảo nghiệm tính chống chịu bệnh khảm lá do virus và khả năng sinh trưởng, phát triển của một số giống sắn mới có triển vọng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”, với kinh phí SNKH là 350,0 triệu đồng;

Đề tài: “Điều tra đánh giá thực trạng vùng sản xuất và xây dựng mô hình thâm canh giống chuối Tiêu hồng nuôi cấy mô tại huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị”, với kinh phí SNKH là 305,0 triệu đồng;

## **2. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN:**

- *Thuận lợi:* Kế hoạch được ban hành kịp thời đáp ứng xu thế nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong giai đoạn mới với yêu cầu phát triển nền sản xuất nông nghiệp, công nghiệp theo hướng sạch, hạn chế ô nhiễm môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần thúc đẩy phát triển nền kinh tế xanh, bền vững.

- *Khó khăn, tồn tại và nguyên nhân:* Trong thời gian qua do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 năm 2021 và những tháng đầu năm 2022 diễn biến phức tạp. Đặc biệt do biến đổi khí hậu toàn cầu và thời tiết cực đoan đã xảy ra trận lũ lụt bất thường từ ngày 31/3 đến ngày 02/4/2022 trên địa bàn tỉnh, nhiều diện tích trồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp trên địa bàn tỉnh bị thất thu năng suất, thậm chí bị mất trắng làm cho năng suất, sản lượng và chất lượng nhiều loại cây trồng, vật nuôi của tỉnh bị sụt giảm nghiêm trọng. Lũ lụt cũng gây thiệt hại 44,75 ha nuôi tôm và 73 lồng bè nuôi cá; Môi trường nước ô nhiễm đã gây ra dịch bệnh trên con tôm nuôi với tổng diện tích bị bệnh là 49,38 ha. Bởi vậy, việc triển khai thực hiện các chương trình, đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh cũng bị ảnh hưởng và gặp rất nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, do tình hình kinh tế thế giới bị lạm phát. Giá cả vật tư, thiết bị máy móc, xăng dầu, điện tăng cao cũng phần nào làm ảnh hưởng đến việc triển khai KH.

Do nguồn ngân sách tỉnh có hạn, nên việc bố trí kinh phí ngân sách nhà nước hàng năm cho việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án chưa đảm bảo như KH đã ban hành. Nguồn kinh phí xã hội hóa huy động từ các doanh nghiệp và người dân tham gia các chương trình, đề tài/dự án còn rất hạn chế và gặp nhiều khó khăn.

## **3. ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN NĂM 2030**

Định hướng mục tiêu nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, công nghệ sạch như: Mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thông minh; sản xuất nông nghiệp theo quy trình tự nhiên, hữu cơ; quy trình chăn nuôi sinh học khép kín; ứng dụng công nghệ hiện đại phục vụ nền sản xuất công nghiệp xanh, hạn chế ô nhiễm môi trường; sản xuất các loại chế phẩm sinh học, thuốc BVTV sinh học,.. phục vụ nền sản xuất nông nghiệp tạo sản phẩm sạch,...

Khảo nghiệm chọn lọc một số giống cây trồng- vật nuôi ngắn ngày, có khả năng thích nghi cao, ứng phó tốt với sự biến đổi khí hậu toàn cầu.

Ưu tiên đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN nhằm góp phần xử lý ô nhiễm môi trường nước, hạn chế dư lượng thuốc BVTV, rác thải nhựa, túi nilong, giảm phát thải nhà kính...

#### **4. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN NĂM 2030**

Trên cơ sở định hướng mục tiêu nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nêu trên, Sở KH&CN đề xuất một số danh mục nhiệm vụ, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đến năm 2030 như sau:

**4.1. Đề tài: Nghiên cứu, xây dựng một số Mô hình sản xuất nông nghiệp sạch đạt chứng nhận chuẩn theo quy trình hữu cơ Ogarnic.** (thời gian thực hiện 2024-2027; dự kiến kinh phí: 1,5 tỷ đồng)

**4.2. Đề tài: Khảo nghiệm một số loại cây màu ngắn ngày chịu hạn nhằm phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại các vùng dễ thiếu nước tưới vụ Hè Thu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị** (thời gian thực hiện 2025-2028; dự kiến kinh phí: 0,8 tỷ đồng)

**4.3. Dự án: Sản xuất thử nghiệm bao bì, túi xách sử dụng bằng vật liệu sẵn có từ tự nhiên, nhằm hạn chế rác thải nhựa, túi nilong trên địa bàn tỉnh Quảng Trị** (thời gian thực hiện 2028-2030; dự kiến kinh phí: 1,0 tỷ đồng)

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch hành động số 1870/KH-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị của Sở KH&CN gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Sở TN&MT (B/cáo);
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLKH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đào Ngọc Hoàng**